

Số:/2024/NQ-HĐND

Bình Định, ngày... tháng ... năm 2024

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh (đáp ứng một trong hai điều kiện: Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định hoặc Dự án phi lợi nhuận) trên địa bàn tỉnh Bình Định

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH KHÓA ..., KỲ HỌP THỨ ...

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 01 tháng 02 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh Bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về tiền sử dụng đất, tiền thuê đất;

Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày .../.../2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định và dự án phi lợi nhuận trên địa bàn tỉnh Bình Định; Báo cáo thẩm tra số .../BC-KTNS ngày .../.../2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất đối với dự án sử dụng đất vào mục đích sản xuất kinh doanh thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư hoặc tại địa bàn ưu đãi đầu tư mà đáp ứng một trong hai điều kiện:

1. Dự án thuộc danh mục các loại hình, tiêu chí quy mô, tiêu chuẩn xã hội hóa do Thủ tướng Chính phủ quyết định (*sau đây gọi tắt là dự án xã hội hóa*).

2. Dự án phi lợi nhuận.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước thực hiện việc quản lý, tính, thu tiền thuê đất.

2. Người sử dụng đất được Nhà nước cho thuê đất sử dụng đất và được miễn tiền thuê đất theo quy định của Nghị quyết này.

Điều 3. Điều kiện để được hưởng chế độ ưu đãi miễn tiền thuê đất

1. Dự án phải phù hợp với quy hoạch tỉnh, quy hoạch ngành, lĩnh vực, quy hoạch xây dựng và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất của địa phương được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Dự án triển khai thực hiện và đi vào hoạt động theo đúng tiến độ, mục tiêu, quy mô được UBND tỉnh quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư hoặc quyết định chấp thuận nhà đầu tư và các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện miễn tiền thuê đất

1. Trường hợp người sử dụng đất đang được hưởng ưu đãi về miễn tiền thuê đất cao hơn quy định của Nghị quyết này thì tiếp tục được hưởng mức ưu đãi cho thời gian còn lại; trường hợp mức ưu đãi thấp hơn quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng theo quy định tại Nghị quyết này của thời hạn ưu đãi còn lại kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành. Trường hợp đến ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành mà đã hết thời gian được hưởng ưu đãi thì không thực hiện ưu đãi theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Việc miễn tiền thuê đất quy định tại Nghị quyết này phải đảm bảo các nguyên tắc thực hiện miễn tiền thuê đất theo quy định tại Điều 38 Nghị định số 103/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ.

3. Người sử dụng đất không được tính tiền thuê đất được miễn vào giá thành sản phẩm, dịch vụ cung cấp cho xã hội

4. Các vấn đề có liên quan đến dự án xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 5. Miễn tiền thuê đất

1. Dự án xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận tại địa bàn ưu đãi đầu tư (địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của pháp luật về đầu tư)

Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án đầu tư tại địa bàn các huyện: Văn Canh, Vĩnh Thạnh, An Lão, Hoài Ân, Tây Sơn, Phù Cát, Phù Mỹ, Tuy Phước; dự án đầu tư tại địa bàn Khu kinh tế Nhơn Hội.

2. Dự án xã hội hóa, dự án phi lợi nhuận thuộc lĩnh vực ưu đãi đầu tư (thuộc danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư hoặc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư)

a) Miễn toàn bộ thời gian thuê đối với dự án đầu tư tại địa bàn các xã của thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn, thành phố Quy Nhơn.

b) Miễn 30 năm đối với dự án đầu tư tại địa các phường của thị xã An Nhơn, thị xã Hoài Nhơn.

c) Miễn 30 năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn các phường của thành phố Quy Nhơn: Nhơn Bình, Nhơn Phú, Trần Quang Diệu, Bùi Thị Xuân, Khu vực 1 và Khu vực 2 của phường Ghềnh Ráng.

d) Miễn 25 năm đối với dự án đầu tư tại địa bàn các phường của thành phố Quy Nhơn: Quang Trung, Nguyễn Văn Cừ, Ngô Mây, Lý Thường Kiệt, Trần Phú, Lê Hồng Phong, Trần Hưng Đạo, Lê Lợi, Đống Đa, Thị Nại, Hải Cảng, Ghềnh Ráng (không bao gồm Khu vực 1 và Khu vực 2 phường Ghềnh Ráng).

3. Trường hợp dự án có diện tích đất nằm từ 02 địa bàn trở lên có mức miễn tiền thuê đất khác nhau thì được áp dụng mức miễn tiền thuê đất cao nhất.

4. Việc miễn tiền thuê đất quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này sau thời gian được miễn tiền thuê đất của thời gian xây dựng cơ bản.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu của Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 24/2015/NQ-HĐND ngày 25 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định miễn, giảm tiền thuê đất đối với các dự án thực hiện xã hội hóa trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Định Khóa....., kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2024 và có hiệu lực từ ngày ... tháng ... năm 202.../.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, Chính phủ (báo cáo);
- VPQH, VPCP, Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT Tỉnh ủy (b/cáo), TT HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh, Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể chính trị-xã hội;
- Sở Tư pháp, các Sở, ban, ngành liên quan;
- VP: Tỉnh ủy, ĐĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- TT Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu VT, hồ sơ kỳ họp.

CHỦ TỊCH

